

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 51/CP ngày 10/5/1997
và Nghị định số 108/2005/NĐ-CP ngày 19/8/2005 về đăng ký và quản lý hộ khẩu***

Ngày 10 tháng 5 năm 1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 51/CP về đăng ký và quản lý hộ khẩu (sau đây viết gọn là Nghị định số 51); ngày 19 tháng 8 năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2005/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51 nêu trên (sau đây viết gọn là Nghị định số 108). Để thống nhất thực hiện hai Nghị định này, Bộ Công an hướng dẫn như sau:

I. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

1. Nội dung công tác đăng ký và quản lý hộ khẩu

Nội dung công tác đăng ký và quản lý hộ khẩu (ĐKQLHK), bao gồm:

- 1.1. Đăng ký và quản lý hộ khẩu thường trú;
- 1.2. Đăng ký và quản lý tạm trú;
- 1.3. Đăng ký và quản lý tạm vắng;
- 1.4. Đăng ký bổ sung, điều chỉnh những thay đổi khác về hộ khẩu, nhân khẩu;
- 1.5. Kiểm tra và xử lý các vi phạm về ĐKQLHK.

2. Nguyên tắc đăng ký và quản lý hộ khẩu

- 2.1. Công dân Việt Nam có quyền và nghĩa vụ thực hiện việc ĐKQLHK với cơ quan Công an theo quy định tại hai Nghị định nêu trên và hướng dẫn tại Thông tư này.
- 2.2. Mỗi công dân chỉ được đăng ký hộ khẩu (ĐKHK) thường trú tại một nơi cư trú nhất định, là nơi thường xuyên sinh sống. Trường hợp do điều kiện công tác hoặc

sinh sống thường xuyên lưu động, thì nơi ĐKKH thường trú là nơi đóng trụ sở chính của cơ quan, tổ chức, bến gốc hoặc nơi trước đó công dân đã có hộ khẩu thường trú.

2.3. Khi chuyển đến cư trú tại nơi ở mới, công dân phải ĐKKH thường trú. Nếu chưa đủ điều kiện để ĐKKH thường trú thì phải đăng ký tạm trú.

3. Những trường hợp không được chuyển hộ khẩu thường trú đi nơi khác

3.1. Người đang chấp hành quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Người đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản chế hành chính hoặc đang chấp hành hình phạt quản chế.

4. Những trường hợp không được ĐKKH thường trú ở một số khu vực, địa bàn nhất định.

4.1. Người đang chấp hành quyết định cấm cư trú tại các khu vực, địa bàn ghi trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4.2. Những khu vực, địa bàn mà cơ quan có thẩm quyền quy định không cho người đến cư trú.

5. Lập Sổ hộ khẩu gia đình

5.1. Sổ hộ khẩu gia đình được cấp cho từng hộ gia đình đã ĐKKH thường trú.

5.2. Mỗi hộ gia đình có thể có một hoặc nhiều người. Trong một nhà có thể ĐKKH theo nhiều hộ gia đình.

5.3. Những người ở chung một nhà và có quan hệ gia đình (là ông, bà, bố, mẹ, vợ, chồng, con; anh, chị, em ruột) hoặc những người khác được chủ hộ đồng ý cho nhập vào hộ gia đình thì được lập chung vào một Sổ hộ khẩu gia đình.

5.4. Trong mỗi hộ gia đình, phải cử một người từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật làm chủ hộ để thực hiện và hướng dẫn các nhân khẩu trong hộ thực hiện các quy định về ĐKQLHK. Trường hợp không có người từ đủ 18 tuổi trở lên thì được cử một người lớn tuổi nhất trong hộ làm chủ hộ.

6. Đăng ký nhân khẩu tập thể

6.1. Những trường hợp sau đây được ĐKKH theo nhân khẩu tập thể:

- a) Người quy định tại khoản 1 và khoản 2 Mục B Phần III Thông tư này, hiện đang sống độc thân tại nhà ở tập thể của các cơ quan, tổ chức;
- b) Thương binh, bệnh binh, người thuộc diện chính sách, người già yếu, cô đơn, trẻ em, người tàn tật và các trường hợp khác được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nuôi dưỡng, chăm sóc tập trung tại các trại thương binh, trung tâm điều dưỡng, trung tâm bảo trợ xã hội, làm trẻ SOS ... (sau đây gọi chung là cơ sở nuôi dưỡng);
- c) Chức sắc tôn giáo, nhà tu hành hoặc người khác chuyên hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, sống tại các cơ sở tôn giáo.

6.2. Từng người thuộc các trường hợp quy định tại tiết a và tiết c điểm 6.1 nêu trên, phải trực tiếp ĐKKH thường trú với cơ quan Công an nơi đang cư trú. Riêng đối với những người quy định tại tiết b điểm 6.1 nêu trên thì đại diện của các cơ sở nuôi dưỡng trực tiếp đến cơ quan Công an để làm thủ tục ĐKKH thường trú.

Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể được cấp cho từng người đã ĐKKH thường trú theo nhân khẩu tập thể.

6.3. Cơ quan, tổ chức có nhà ở tập thể phải cử một người phụ trách nhà tập thể đó, để nhắc nhở mọi người chấp hành quy định về ĐKQLHK. Khi thay đổi người phụ trách nhà ở tập thể thì cơ quan, tổ chức phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan công an có thẩm quyền.

6.4. Những người đã ĐKKH theo nhân khẩu tập thể, nhưng hàng ngày thường xuyên về ở với gia đình hoặc ở tại nhà ở hợp pháp của mình thì phải ĐKKH thường trú hộ gia đình.

7. Đăng ký hộ khẩu đối với Quân đội và Công an

Thông tư này áp dụng đối với Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng; Sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân, viên chức công an ĐKKH theo hộ gia đình hoặc đăng ký nhân khẩu tập thể tại các nhà ở tập thể của Quân đội, Công an. Riêng đối với các đối tượng là cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân và Công an nhân dân ở trong doanh trại của Quân đội, Công an thì quản lý theo quy định riêng của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

II. ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐI

Khi chuyển hộ khẩu thường trú (cả hộ hoặc một người) đến nơi ở mới theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 51 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 108, thực hiện như sau:

1. Cấp Giấy chứng nhận chuyển đi

1.1. Các trường hợp sau đây phải cấp Giấy chứng nhận chuyển đi.

a) Chuyển đi ngoài phạm vi xã, thị trấn nhưng trong cùng một huyện thuộc tỉnh.

b) Chuyển đi ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

1.2. Thủ tục chuyển đi bao gồm:

- Chứng minh nhân dân của người đến làm thủ tục.

- Phiếu báo thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu.

- Sổ hộ khẩu gia đình hoặc Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể.

1.3. Khi nhận hồ sơ của công dân, cán bộ tiếp dân phải kiểm tra kỹ hồ sơ, nếu đủ thủ tục thì tiếp nhận, ghi vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu, viết phiếu biên nhận, nếu thiếu thủ tục thì hướng dẫn bổ sung cụ thể; cần lưu ý:

a) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan Công an nêu tại điểm 4.1. khoản 4 Phần II này phải cấp Giấy chứng nhận chuyển đi cho công dân, đồng thời giao lại Phiếu báo thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu. Sổ hộ khẩu gia đình đã đóng dấu "hủy" (nếu chuyển cả hộ) hoặc Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể đã đóng dấu "hủy" cho công dân đến nơi ở mới, để làm thủ tục ĐKKH thường trú.

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận chuyển đi cho các trường hợp quy định tại tiết b điểm 1.1 khoản này, Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có người chuyển đi phải chuyển hồ sơ ĐKQLHK cho Công an cùng cấp nơi người đó chuyển đến.

c) Cơ quan Công an nơi cấp Giấy chứng nhận chuyển đi không được yêu cầu công dân phải có giấy đồng ý cho ĐKKH thường trú của cơ quan Công an nơi chuyển đến.

2. Các trường hợp không phải cấp Giấy chứng nhận chuyển đi.

2.1. Chuyển đi trong phạm vi xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh; chuyển đi trong cùng một huyện, quận của thành phố trực thuộc Trung ương; chuyển đi trong cùng một thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2.2. Đi nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ Công an

2.3. Học sinh, sinh viên, học viên học tại các trường phổ thông nội trú, học viện, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo...

2.4. Đi học tại các trường thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân hoặc được tuyển dụng vào lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân ở tập trung trong các doanh trại.

2.5. Xuất cảnh

2.6. Chấp hành án phạt tù trong các trại giam; chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; chấp hành quyết định quản chế hành chính ở địa phương khác.

3. Xóa tên trong Sổ hộ khẩu gia đình hoặc Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể.

3.1. Các trường hợp sau đây phải xóa tên trong Sổ hộ khẩu gia đình hoặc Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể:

- a) Các trường hợp quy định tại các điểm 2.4, 2.5 và điểm 2.6 khoản 2 nêu trên.
- b) Có người chết hoặc tuyên bố mất tích (theo quy định của pháp luật dân sự).
- c) Không thường xuyên cư trú tại nơi ĐKKH thường trú mà không có lý do chính đáng hoặc không thể ở nơi đó được.

3.2. Thủ tục xóa tên

a) Khi có những thay đổi quy định tại tiết a và tiết b điểm 3.1 khoản này, thì đại diện hộ gia đình, nhà ở tập thể hoặc người có thay đổi phải đến cơ quan Công an nơi ĐKKH thường trú để làm thủ tục xóa tên. Thủ tục gồm:

- Chứng minh nhân dân của người đến làm thủ tục;
- Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu;
- Sổ hộ khẩu gia đình hoặc Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể;
- Giấy tờ để chứng minh có thay đổi.

Sau khi xóa tên trong Sổ hộ khẩu gia đình hoặc Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể, cơ quan Công an tiến hành điều chỉnh trong Sổ đăng ký hộ khẩu.